

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA**  
**CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH CÁ THỂ NĂM 2011**  
**(Trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản)**

*(Theo Quyết định số 610/QĐ-TCTK ngày 09 tháng 9 năm 2011  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

---

**1. Mục đích, yêu cầu điều tra**

- Cuộc điều tra nhằm thu thập thông tin Thống kê về sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong các ngành kinh tế (*trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản*) trên phạm vi cả nước nhằm phản ánh số lượng và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh (SXKD) của khu vực này, đáp ứng các yêu cầu thông tin thống kê chuyên ngành, thống kê tài khoản quốc gia và quản lý của các cấp, các ngành.

- Thu thập thông tin chi tiết về cơ sở lưu trú cá thể nhằm bổ sung nguồn thông tin để tính toán các chỉ tiêu về thống kê du lịch, đáp ứng yêu cầu thông tin và quản lý hoạt động du lịch.

**2. Đối tượng, phạm vi, đơn vị điều tra**

**2.1. Đối tượng điều tra**

Là các cơ sở SXKD cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế (*trừ ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản*) (gọi tắt là các cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp).

**2.2. Phạm vi điều tra**

Cuộc điều tra được tiến hành tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**2.3. Đơn vị điều tra**

Mỗi cơ sở SXKD cá thể thuộc đối tượng, phạm vi điều tra là một đơn vị điều tra. Đơn vị điều tra là các cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp, định nghĩa như sau:

- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (*trừ ngành nông lâm nghiệp, thủy sản*);

- Thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình;

chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp;

- Có địa điểm xác định;
- Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh.

*Riêng cơ sở SXKD cá thể ngành xây dựng (gọi tắt là cơ sở cá thể xây dựng), do đặc thù của hoạt động này và mục tiêu thống kê số lượng cơ sở, lao động của các cơ sở này, qui định:*

- *Cơ sở cá thể xây dựng là đội/tổ/nhóm cá thể (gọi chung là đội xây dựng cá thể) do một người đứng ra làm đội trưởng (hay còn gọi là chủ/cai thầu xây dựng) thực hiện nhận thầu và tiến hành xây dựng cho các hộ gia đình hoặc các đối tượng đầu tư xây dựng khác.*

- *Đơn vị điều tra cơ sở cá thể xây dựng là “đội xây dựng cá thể”, được xác định theo tên và địa chỉ thường trú của chủ cơ sở (đội trưởng hay còn gọi là chủ/cai thầu xây dựng). Số lượng đơn vị cơ sở tính theo số lượng đội trưởng; không xác định số lượng cơ sở theo số lượng công trình mà đội trưởng đang tiến hành xây dựng (Trường hợp đội trưởng xây dựng cùng một thời điểm nhận nhiều công trình xây dựng, vẫn chỉ tính là một cơ sở).*

- *Số lượng lao động trong cơ sở cá thể xây dựng: tính toàn bộ số lao động mà đội trưởng đang quản lý, sử dụng và trả công tại thời điểm điều tra.*

Mỗi cơ sở SXKD cá thể trong cuộc điều tra này được xếp vào một ngành trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007.

### **3. Thời điểm , thời kỳ điều tra và thời gian thu thập thông tin**

- Thời điểm điều tra: 01/10/2011;
- Thời kỳ của số liệu: Thu thập số liệu 9 tháng, tháng 10 và ước 3 tháng cuối năm 2011 tùy theo từng chỉ tiêu qui định trong phiếu;
- Thời gian thu thập thông tin: từ ngày 01 đến ngày 15/10/2011.

Riêng thông tin về cơ sở SXKD cá thể hoạt động dịch vụ lưu trú: Thời gian thu thập thông tin là 30 ngày, kể từ ngày 01/10/2011.

### **4. Nội dung điều tra, phiếu điều tra**

#### **4.1. Nội dung điều tra:**

Nội dung điều tra gồm hai nhóm thông tin:

- Thông tin về cơ sở SXKD cá thể tại các xã, phường được chọn điều tra mẫu số lượng cơ sở: Tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh chính, mã số thuế, tổng số lao động, trong đó lao động nữ, doanh thu 9 tháng đầu

năm 2011.

- Thông tin về điều kiện, kết quả SXKD của các cơ sở SXKD cá thể thuộc mẫu điều tra, gồm các chỉ tiêu sau: chỉ tiêu nhận dạng cơ sở, thu nhập, nguồn vốn, tài sản cố định, doanh thu, nộp ngân sách, ứng dụng công nghệ thông tin, sản phẩm sản xuất của ngành công nghiệp, khối lượng vận chuyển, luân chuyển của ngành vận tải, trị giá vốn kinh doanh của ngành thương mại, dịch vụ.

- Thông tin về các cơ sở lưu trú cá thể: số khách nghỉ tại cơ sở lưu trú cá thể chia theo khách trong nước, khách quốc tế, khách trong ngày, khách nghỉ qua đêm, độ dài ngày nghỉ lại trung bình của một khách...

#### **4.2. Phiếu điều tra**

Nội dung điều tra được thể hiện trong 04 loại phiếu thu thập thông tin sau:

- Phiếu 01/CT-SL: Phiếu thu thập thông tin về số lượng và lao động của các cơ sở SXKD cá thể đến 1/10/2011;

- Phụ biểu 01a/CT-SL: Tổng hợp số lượng cơ sở SXKD cá thể trên địa bàn xã/ phường đến 1/10/2011;

- Phiếu 02/CT-CN: Phiếu thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể hoạt động công nghiệp;

- Phiếu 03/CT-VT: Phiếu thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể hoạt động vận tải, kho bãi;

- Phiếu 04/CT-TMDV: Phiếu thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể hoạt động thương mại, dịch vụ (trừ dịch vụ lưu trú);

- Phiếu 05/CT-LT: Phiếu thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể hoạt động dịch vụ lưu trú.

#### **5. Danh mục sử dụng trong điều tra**

Sử dụng 03 danh mục sau:

- Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ (VSIC 2007) và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 về việc ban hành qui định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2010: áp dụng danh mục đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2010.

- Danh mục sản phẩm công nghiệp Việt Nam (*bản đã sử dụng trong điều tra doanh nghiệp năm 2011*)

## **6. Loại điều tra, phương pháp điều tra**

\* Loại điều tra: Cuộc điều tra này là điều tra chọn mẫu kết hợp với điều tra toàn bộ (cơ sở lưu trú cá thể). Tiến hành điều tra chọn mẫu, vì thế đơn vị điều tra sẽ chỉ giới hạn trong phạm vi mẫu điều tra được chọn:

- Điều tra mẫu về số lượng cơ sở SXKD cá thể: Mẫu điều tra số lượng cơ sở SXKD cá thể đại diện cho huyện, quận. Mỗi huyện, quận chọn một số xã, phường đại diện làm địa bàn điều tra số lượng cơ sở SXKD cá thể. Tại các xã, phường mẫu, tiến hành điều tra toàn bộ các cơ sở SXKD cá thể thuộc đối tượng điều tra.

- Điều tra mẫu về kết quả sản xuất kinh doanh kể cả hoạt động lưu trú: Mẫu điều tra kết quả SXKD của cơ sở SXKD cá thể năm 2011 đại diện cho ngành kinh tế và tỉnh, thành phố trên cơ sở mẫu điều tra số lượng năm 2011.

- Điều tra toàn bộ các cơ sở cá thể hoạt động dịch vụ lưu trú.

\* Phương pháp điều tra là phỏng vấn trực tiếp.

### **A. Điều tra mẫu số lượng**

#### **6.1. Số lượng mẫu điều tra**

Dựa vào số liệu điều tra các cơ sở SXKD cá thể 01/7/2010, chia thành ba nhóm huyện, quận để tiến hành chọn xã, phường, thị trấn để điều tra số lượng các cơ sở SXKD cá thể năm 2011 theo tỷ lệ chọn:

- Các huyện, quận có dưới 3000 cơ sở SXKD cá thể: điều tra 30% số xã/phường;

- Các huyện, quận có từ 3000 đến dưới 7000 cơ sở SXKD cá thể: điều tra 25% số xã, phường;

- Các huyện, quận có từ 7000 cơ sở SXKD cá thể trở lên: điều tra 20% số xã, phường.

#### **6.2. Chọn mẫu**

Mẫu điều tra được chọn đại diện cho cấp huyện, quận. Thực hiện chọn mẫu theo các bước sau:

**Bước 1:** Xác định số lượng xã, phường mẫu cần điều tra cho mỗi huyện, quận:

Số lượng các xã, phường cần chọn vào mẫu điều tra của mỗi huyện, quận được xác định căn cứ vào quy mô về số lượng các cơ sở SXKD cá thể của mỗi huyện, quận. Trên cơ sở số lượng cơ sở SXKD của mỗi huyện, quận và tỷ lệ chọn qui định ở mục (6.1), tính được số xã, phường mẫu cần điều tra (n).

*Ví dụ 1: Cách tính số lượng xã, phường được chọn mẫu của tỉnh Quảng Bình*

	Số cơ sở theo số liệu điều tra 01/7/2010	Tổng số xã phường	Tỷ lệ xã, phường mẫu (%)	Số xã, phường được chọn điều tra (n)	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>54769</b>	<b>159</b>		<b>37</b>	
T.P Đồng Hới	10205	16	20	3	
Huyện Minh Hoá	1727	16	30	5	
Huyện Tuyên Hóa	3505	20	25	5	
Huyện Quảng Trạch	14796	34	20	7	
Huyện Bố Trạch	12032	30	20	6	
Huyện Quảng Ninh	4180	15	25	4	
Huyện Lệ Thủy	8324	28	25	7	

*(Số liệu theo Điều tra toàn bộ số lượng cơ sở SXKD cá thể 01/7/2010)*

Trường hợp có xã, phường mới được tách ra sau thời điểm 1/7/2010, đã có quyết định chính thức của các cấp chính quyền thì xã, phường mới cũng nằm trong tổng số xã, phường để chọn mẫu điều tra.

**Bước 2:** Chọn danh sách các xã, phường vào mẫu điều tra cho mỗi huyện, quận:

Công việc gồm:

- Lập danh sách các xã phường trong phạm vi toàn huyện, quận kèm theo số lượng cơ sở SXKD cá thể của từng xã, phường (lấy số liệu Điều tra toàn bộ số lượng 01/7/2010);
- Sắp xếp các xã, phường theo danh mục hành chính hiện hành quy định ở mục (5);
- Từ danh sách trên, tính số cơ sở SXKD cá thể cộng dồn và ghi vào cột liền kề với cột tổng số cơ sở SXKD cá thể của các xã, phường;

- Tính khoảng cách (d) để chọn các xã, phường vào mẫu điều tra theo công thức:

$$\text{Khoảng cách (d)} = \frac{\text{Tổng số cơ sở SXKD toàn huyện, quận (M)}}{\text{Số xã, phường cần chọn (n)}}$$

- Tiến hành chọn danh sách các xã, phường vào mẫu điều tra.

Đối với những xã, phường có số cơ sở SXKD lớn hơn trị số (d) sẽ là những đơn vị mẫu đương nhiên được chọn, sau đó tiến hành chọn mẫu như sau:

+ Chọn xã, phường đầu tiên vào mẫu điều tra: trước hết xác định nhóm các xã, phường đầu tiên vào mẫu điều tra, nhóm này chính là nhóm xã, phường đứng ở đầu bảng danh sách và tổng số cơ sở kinh doanh của chúng bằng hoặc gần bằng (=) d.

+ Chọn xã, phường tiếp theo: căn cứ vào tổng số cơ sở SXKD cộng dồn trong bảng đã thiết lập, nếu xã, phường đầu tiên được chọn có số cơ sở cộng dồn là (a) thì các xã, phường tiếp theo sẽ có số cơ sở SXKD cộng dồn bằng hoặc gần nhất với các số a+d; a+2d; a+3d....; a+(n-1)d.

Sau khi chọn được mẫu điều tra, các Cục Thống kê cần rà soát kiểm tra lại, nếu thấy xã, phường nào *không đáp ứng được yêu cầu đại diện của mẫu điều tra thì thay bằng xã, phường khác có qui mô tương đương và đảm bảo được tính đại diện của mẫu*. Xã, phường nào có biến động lớn thì cần điều tra toàn bộ số cơ sở trên địa bàn xã, phường đó, nhưng kết quả điều tra sẽ không tham gia vào suy rộng chung, mà được cộng vào kết quả đã suy rộng từ điều tra mẫu (**phần mềm tự động xử lý trường hợp này**).

### 6.3. Suy rộng kết quả điều tra

Kết quả điều tra được suy rộng theo 2 bước:

**Bước 1:** Suy rộng số lượng cơ sở SXKD cá thể của từng huyện, quận theo 8 lĩnh vực: 1. Công nghiệp; 2. Xây dựng; 3. Thương nghiệp; 4. Dịch vụ lưu trú; 5. Dịch vụ ăn uống; 6. Vận tải, kho bãi; 7. Công nghệ thông tin và truyền thông; 8. Dịch vụ khác.

Công thức suy rộng tổng quát như sau:

$$M_{11j} = M_{10j} * k_j \quad (1)$$

$$k_j = \frac{\sum_{i=1}^n m_{11ij}}{\sum_{i=1}^n m_{10ij}}$$

*Trong đó:*

$M_{11j}$ ;  $M_{10j}$ : Số cơ sở cá thể lĩnh vực j, năm 2011; 2010;

$m_{11ij}$ ;  $m_{10ij}$ : số cơ sở cá thể địa bàn xã mẫu i, lĩnh vực j năm 2011; 2010;

$k_j$ : Tỷ lệ tăng (giảm) số cơ sở cá thể của các xã mẫu, lĩnh vực J năm 2011 so với 2010.

**Lưu ý:**  $M_{11j}$ ;  $M_{10j}$  không bao gồm số cơ sở ở các xã/phường có biến động lớn, đặc thù được điều tra năm 2011 (kết quả điều tra ở các xã, phường này không tham gia vào suy rộng, mà được cộng vào kết quả chung của huyện, quận).

Kết quả suy rộng từ các địa bàn xã, phường mẫu theo công thức (1) cộng (+) với kết quả điều tra ở các xã không tham gia vào suy rộng mẫu (xã, phường có biến động lớn, đặc thù...) sẽ được tổng số cơ sở SXKD của huyện, quận.

**Bước 2:** Suy rộng số cơ sở theo ngành kinh tế

Căn cứ vào tổng số cơ sở SXKD cá thể năm 2011 đã tính được ở **Bước 1** và cơ cấu ngành kinh tế theo kết quả điều tra năm 2010 để tính số cơ sở theo ngành kinh tế của năm 2011 theo công thức sau:

$$m_{11ij} = \frac{m_{10ij}}{M_{10j}} * M_{11j} \quad (2)$$

*Trong đó:*

$m_{11ij}$ ;  $m_{10ij}$ : số cơ sở ngành i, huyện, quận j năm 2011, 2010;

$M_{11j}$ ;  $M_{10j}$ : Tổng số cơ sở, huyện, quận j năm 2011, 2010.

**Lưu ý:** suy rộng theo ngành kinh tế ở cấp độ chi tiết nhất. Cộng kết quả suy rộng ở cấp độ chi tiết nhất sẽ được kết quả suy rộng ở ngành cấp trên.

## **B. Điều tra kết quả sản xuất, kinh doanh**

### **6.4. Chọn mẫu**

Mẫu điều tra kết quả SXKD đại diện cho cấp tỉnh, thành phố. Để tăng khả năng chọn được nhiều ngành vào mẫu điều tra, cuộc điều tra năm nay không chọn mẫu bước 1 như các năm trước mà lấy toàn bộ các xã, phường, thị trấn đã chọn điều tra số lượng ở mục A (6.2) để lập danh sách các cơ sở SXKD cá thể làm dàn chọn mẫu. Thực hiện chọn mẫu cơ sở SXKD như sau:

Từ danh sách trên, tiến hành phân tổ các cơ sở này theo 111 nhóm ngành:

- Công nghiệp 26 ngành;
  - Vận tải, kho bãi 18 ngành;
  - Thương mại, dịch vụ 67 ngành;
- (xem Phụ lục “Danh mục ngành điều tra mẫu”).

Ở mỗi nhóm ngành, sắp xếp thứ tự các cơ sở SXKD theo độ dốc doanh thu bình quân 1 tháng kinh doanh (doanh thu điều tra viên tính từ kết quả điều tra 01/7/2010).

**\* Xác định số lượng cơ sở cần điều tra:**

Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng kinh phí, Tổng cục quy định số lượng đơn vị cơ sở SXKD cá thể cần điều tra trong mỗi ngành SXKD của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

+ **Nhóm I:** các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số lượng cơ sở SXKD cá thể trên 100.000, điều tra mỗi nhóm ngành 50 cơ sở. Nhóm này gồm 07 tỉnh, thành phố: **Hà Nội, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh và An Giang.** Tổng số cơ sở cần chọn mẫu của nhóm I như sau:

- Ngành công nghiệp:

$$50 \text{ cơ sở} \times 26 \text{ ngành} = 1300 \text{ cơ sở (n = 1300)}$$

- Ngành bán buôn, bán lẻ, dịch vụ lưu trú, ăn uống, thông tin và truyền thông, dịch vụ khác:

$$50 \text{ cơ sở} \times 67 \text{ ngành} = 3350 \text{ cơ sở (n = 3350)}$$

- Ngành Vận tải, kho bãi:

$$50 \text{ cơ sở} \times 18 \text{ ngành} = 900 \text{ cơ sở (n = 900)}$$

+ **Nhóm II:** các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số lượng cơ sở SXKD cá thể từ 20.000 đến 100.000, điều tra mỗi nhóm ngành 30 cơ sở. Nhóm này gồm 48 tỉnh, thành phố: **Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh, Sơn La, Hoà Bình, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Thuận, Bà Rịa -Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.**

Tổng số cơ sở cần chọn mẫu của nhóm II như sau:

- Ngành công nghiệp:



$$30 \text{ cơ sở} \times 26 \text{ ngành} = 780 \text{ cơ sở (n = 780)};$$

- Ngành bán buôn, bán lẻ, dịch vụ lưu trú, ăn uống, thông tin và truyền thông và dịch vụ khác:

$$30 \text{ cơ sở} \times 67 \text{ ngành} = 2010 \text{ cơ sở (n = 2010)};$$

- Ngành Vận tải, kho bãi

$$30 \text{ cơ sở} \times 18 \text{ ngành} = 540 \text{ cơ sở (n = 540)}.$$

+ **Nhóm III**: các tỉnh, thành phố có số lượng cơ sở SXKD dưới 20.000, điều tra mỗi nhóm ngành 25 cơ sở. Nhóm này gồm 08 tỉnh: **Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lai Châu, Điện Biên, Kon Tum, Đắk Nông**.

Tổng số cơ sở cần chọn mẫu của nhóm III như sau:

- Ngành công nghiệp:

$$25 \text{ cơ sở} \times 26 \text{ ngành} = 650 \text{ cơ sở (n = 650)};$$

- Ngành bán buôn, bán lẻ, dịch vụ lưu trú, ăn uống, thông tin và truyền thông và dịch vụ khác:

$$25 \text{ cơ sở} \times 67 \text{ ngành} = 1675 \text{ cơ sở (n = 1675)};$$

- Ngành vận tải, kho bãi:

$$25 \text{ cơ sở} \times 18 \text{ ngành} = 450 \text{ cơ sở (n = 450)};$$

\* *Tiến hành chọn danh sách các cơ sở như sau:*

$$\text{Khoảng cách} = \frac{\text{Tổng số cơ sở SXKD của nhóm ngành}}{\text{Số cơ sở SXKD cần chọn (50, 30 hoặc 25)}} \\ \text{(k) để chọn}$$

Giả sử theo danh sách các cơ sở kinh doanh đã lập của ngành hàng thực phẩm trong các xã, phường được chọn điều tra của tỉnh H là 450 cơ sở. Theo qui định, tỉnh H cần chọn ra 50 cơ sở ở mỗi nhóm ngành để điều tra. Khi đó khoảng cách để chọn cơ sở mẫu điều tra là  $k = 450/50 = 9$ . Như vậy cứ 9 cơ sở sẽ chọn ra 1 cơ sở để điều tra. Theo lý thuyết, có thể chọn ngẫu nhiên một cơ sở trong 9 cơ sở của nhóm đầu tiên, sau đó cách 9 cơ sở lại chọn tiếp một cơ sở cho đến khi chọn đủ 50 cơ sở. Nhằm bảo đảm tính chất "cân bằng và rải đều" của mẫu, cuộc điều tra này qui định chọn cơ sở ở giữa các tổ để điều tra. Trong trường hợp này, cơ sở có số thứ tự là 5 (cơ sở giữa của tổ đầu tiên =  $9/2$ ) sẽ được chọn vào mẫu; tiếp theo là cơ sở thứ 14 ( $5+9$ ), cơ sở 23 ( $14+9$ ), cơ sở 32 ( $23+9$ )...

Trong trường hợp số lượng cơ sở trong các tổ là số chẵn, khi đó cách chọn là: tổ 1 chọn cơ sở đứng ở vị trí thuộc nửa trên, tổ 2 chọn cơ sở ở vị trí nửa dưới của tổ... và tiến hành chọn theo qui luật này cho đến khi chọn đủ số đơn vị mẫu cần điều tra.

Số cơ sở SXKD mẫu tối đa của mỗi nhóm tỉnh, thành phố như sau:

- Nhóm tỉnh loại I là: **5550** (1300 + 3350 + 900) cơ sở
- Nhóm tỉnh loại II là: **3330** (780 + 2010 + 540) cơ sở
- Nhóm tỉnh loại III là: **2775** (650 + 1675 + 450) cơ sở

Số cơ sở mẫu tối đa tính chung cho cả nước là:

**5550 cơ sở x 7 tỉnh + 3330 cơ sở x 48 tỉnh + 2775 cơ sở x 8 tỉnh = 220 890 cơ sở**

***Bảng tóm tắt cỡ mẫu và phân bố theo từng nhóm ngành và tỉnh:***

Nhóm tỉnh, thành phố	Số tỉnh, thành phố	Số cơ sở SXKD mỗi nhóm tỉnh (cơ sở) năm 2010	Số ngành chọn mẫu điều tra	Số cơ sở mẫu mỗi nhóm, ngành (cơ sở)	Số cơ sở mẫu của mỗi tỉnh, thành phố (cơ sở)	Số cơ sở mẫu của mỗi nhóm tỉnh, thành phố (cơ sở)	Tỷ lệ mẫu mỗi nhóm tỉnh, thành phố (%)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
Nhóm tỉnh loại I	<b>7</b>	1 303 348	111	50	5 550	38 850	2,98
Nhóm tỉnh loại II	<b>48</b>	2 714 880	111	30	3330	159 840	5,88
Nhóm tỉnh loại III	<b>8</b>	106 752	111	25	2 775	22 200	20,79
<b>Toàn Quốc</b>	<b>63</b>	<b>4 124 980</b>			<b>11 655</b>	<b>220 890</b>	<b>5,35</b>

*Lưu ý:*

- Ở một số địa phương, số cơ sở SXKD của một số ngành không lớn, thậm chí tổng số cơ sở trên địa bàn ít hơn số mẫu quy định phải chọn để điều tra. **Đối với trường hợp này, chọn toàn bộ số cơ sở của ngành kinh doanh đó vào mẫu điều tra.** Ví dụ: nhóm ngành bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (mã 47210) của một tỉnh nào đó, giả sử theo quy định mẫu cần chọn điều tra là 30 cơ sở nhưng tổng số cơ sở của ngành này toàn tỉnh chỉ có 15, trong trường hợp này lấy cả 15 cơ sở.

- Do đặc thù hoạt động SXKD của cơ sở cá thể giữa các tỉnh có khác nhau (đặc biệt đối với hoạt động công nghiệp), các Cục Thống kê có thể linh hoạt việc chọn mẫu cho phù hợp với thực tế ngành SXKD của địa phương mình căn cứ vào danh sách cơ sở đã thực hiện điều tra năm 2010, đảm bảo mức độ đại diện cao nhất để suy rộng.

**Việc chọn mẫu điều tra do các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện và gửi danh sách các xã, phường, thị trấn mẫu, danh sách cơ sở được chọn mẫu về Tổng cục trước ngày 25/9/2011.**

Xử lý khi mất mẫu: khi điều tra thực tế, cơ sở mẫu đã chọn bị mất thì phải chọn mẫu mới thay thế theo nguyên tắc: chọn cơ sở cùng ngành kinh tế ở cấp ngành tương ứng, có quy mô tương đương (theo lao động hoặc doanh thu), trên cùng địa bàn với đơn vị cơ sở mẫu bị mất. Danh sách cơ sở mẫu mới được gửi về Tổng cục khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin.

### 6.5. Phương pháp tổng hợp và suy rộng kết quả điều tra

Quá trình tổng hợp, suy rộng được tiến hành tập trung ở cấp huyện, quận, sau đó tổng hợp cho tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**Bước 1: Tính các chỉ tiêu bình quân một cơ sở:** tổng nguồn vốn, giá trị tài sản, doanh thu thuần, trị giá vốn hàng bán ra, thuế và các khoản phải nộp, số tháng kinh doanh... theo công thức bình quân số học giản đơn.

$$\bar{x}_j = \frac{\sum_{i=1}^n x_{ij}}{n_j} \quad (3)$$

Trong đó:

- $\bar{x}_j$  : Chỉ tiêu điều tra mẫu bình quân của 1 cơ sở mẫu nhóm ngành j;
- $x_{ij}$  : Chỉ tiêu điều tra của cơ sở i, ngành j (i = 1, 2, 3 ... n);
- $n_j$ : cỡ mẫu điều tra của nhóm ngành j.

### **Bước 2: Tính các chỉ tiêu bình quân chung một cơ sở theo nhóm ngành**

Tính chỉ tiêu bình quân chung một cơ sở theo nhóm ngành: Tổng nguồn vốn, giá trị tài sản, doanh thu, trị giá vốn hàng bán ra, thuế và các khoản phải nộp, số tháng kinh doanh... lần lượt cho các nhóm ngành cấp 5, 4, cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

Công thức chung để tính các chỉ tiêu bình quân một cơ sở từ cấp tổng hợp dưới thành chỉ tiêu bình quân cấp tổng hợp trên được tính theo công thức bình quân gia quyền với quyền số là số cơ sở SXKD của các nhóm ngành cấu thành chúng:

$$\bar{x}_j = \frac{1}{n_j} \sum_{i=1}^n x_j \quad (4)$$

Trong đó:

- $\bar{x}_j$  : chỉ tiêu bình quân 1 cơ sở của ngành j (tổng hợp từ số bình quân cộng giản đơn từ kết quả điều tra mẫu);
- $x_j$  : chỉ tiêu của cơ sở mẫu thứ i, ngành j;

-  $n_i$ : tổng số cơ sở SXKD của ngành  $j$  (tổng thể mẫu theo số liệu điều tra toàn bộ số lượng cơ sở thời điểm 01/7/2010)

**Suy rộng kết quả điều tra:**

Suy rộng các chỉ tiêu điều tra được tính theo công thức tổng quát sau:

$$X_j = \bar{x}_j * N_j * \bar{t}_j$$

Trong đó:

$X_j$ : chỉ tiêu suy rộng ngành  $j$ ;

$\bar{x}_j$ : chỉ tiêu điều tra mẫu bình quân ngành  $j$ ;

$N_j$ : tổng số cơ sở ngành  $j$  (tổng thể chung);

$\bar{t}_j$ : số tháng kinh doanh bình quân/năm ngành  $j$ .

Cuộc điều tra năm nay thực hiện thí điểm suy rộng một số chỉ tiêu cho cấp huyện, quận đối với 6 lĩnh vực: công nghiệp, vận tải kho bãi, thương nghiệp, dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác

**Công việc chọn mẫu, nhập tin, tổng hợp và suy rộng được thực hiện bằng chương trình máy tính thống nhất trong cả nước**

- Tính toán và suy rộng chỉ tiêu sản phẩm công nghiệp:

+ Tính chỉ số tăng trưởng từng loại sản phẩm công nghiệp:

Sử dụng số liệu từ phiếu điều tra (cột sản phẩm sản xuất năm 2010 và năm 2011 = sản xuất 9 tháng + dự tính quý IV/2011) theo công thức:

$$\text{Chỉ số tăng trưởng sản phẩm A năm 2011/2010} = \frac{\text{Tổng khối lượng sản phẩm A năm 2011}}{\text{Tổng khối lượng sản phẩm A năm 2010}}$$

+ Suy rộng kết quả cho từng sản phẩm công nghiệp:

$$\text{Khối lượng sản phẩm A} = \text{Chỉ số tăng trưởng sản phẩm A 2011/2010} \times \text{Khối lượng sản phẩm A năm 2010}$$

**Lưu ý:**

- Khối lượng từng loại sản phẩm công nghiệp năm 2010 đã có sẵn trong báo cáo chính thức hàng năm của từng tỉnh, thành phố;

- Suy rộng chỉ tiêu sản phẩm của toàn tỉnh, TP dựa vào kết quả điều tra mẫu sản phẩm của toàn tỉnh, thành phố;

- Chương trình nhập tin do Tổng cục thiết kế chỉ tính và cung cấp cho các tỉnh, thành phố chỉ số tăng trưởng từng sản phẩm công nghiệp cho cấp tỉnh, thành phố. Sau đó, các tỉnh, thành phố chủ động suy rộng kết quả cho từng sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố bằng cách

*nhân chỉ số tăng trưởng từng sản phẩm với số liệu từng sản phẩm năm gốc 2010 của từng cấp tương đương.*

### **C. Điều tra toàn bộ cơ sở SXKD cá thể hoạt động dịch vụ lưu trú**

Căn cứ vào kết quả điều tra toàn bộ số lượng cơ sở 01/7/2010 và các nguồn thông tin khác, các Cục thống kê tiến hành thực hiện theo các bước sau:

- Lập danh sách toàn bộ các cơ sở cá thể kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày: nhà khách, nhà nghỉ... để tiến hành điều tra. *Các cơ sở kinh doanh lưu trú dài ngày như cho thuê nhà trọ, nhà sinh viên, hoặc nhà cho công nhân thuê không thuộc phạm vi và đối tượng trong cuộc điều tra này*

- Căn cứ vào danh sách đã được lập, tiến hành phân chia số lượng cơ sở lưu trú cần điều tra cho từng điều tra viên;

- Điều tra viên trực tiếp đến từng cơ sở lưu trú phát phiếu và hướng dẫn cho chủ cơ sở ghi theo mẫu hoặc trực tiếp phỏng vấn và ghi phiếu.

***Lưu ý: để thực hiện tốt 3 nội dung (A, B, C) của cuộc điều tra đã nêu ở trên***, các Cục Thống kê cần tuyển chọn lực lượng điều tra viên, tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ về nội dung phương án, phiếu điều tra và phân công lực lượng đến các địa bàn điều tra để tiến hành thu thập thông tin từ thời điểm 01/10/2011. Để tạo thuận lợi cho việc điều tra tại cơ sở, cần tham khảo thêm thông tin từ tài liệu của các cơ quan đăng ký kinh doanh, thuế, quản lý thị trường để cung cấp cho điều tra viên trước khi tiến hành thu thập thông tin trong phiếu. Cụ thể là:

- Số cơ sở không còn sản xuất kinh doanh hay đã chuyển địa điểm SXKD khỏi địa bàn điều tra;

- Số cơ sở mới sản xuất kinh doanh hoặc mới chuyển từ địa bàn khác đến sau thời điểm 01/10/2011;

Những thông tin này giúp cho việc thay thế mẫu mới khi mẫu đã chọn bị mất.

Trong trường hợp một số chỉ tiêu, vì nhiều lý do, chủ cơ sở không khai chính xác, độ tin cậy của thông tin không đảm bảo, điều tra viên phải tiến hành kiểm tra lại bằng cách quan sát trực tiếp mức độ kinh doanh của cơ sở, trao đổi thêm với các đơn vị chức năng của địa phương hoặc quần chúng xung quanh để ước tính, đánh giá số liệu cho hợp lý.

Sau khi hoàn thành khâu thu thập, kiểm tra hoàn thiện, điều tra viên nộp lại toàn bộ phiếu cho Chi cục thống kê huyện, quận. Chi cục thống kê huyện, quận chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng phiếu và gửi về Cục Thống kê tỉnh, thành phố để xử lý tổng hợp.

## **7. Tổng hợp và biểu đầu ra**

*Quá trình nhập tin, chọn mẫu, xử lý, tổng hợp và suy rộng sẽ được thực hiện bằng chương trình phần mềm máy tính thống nhất trong cả nước.*

Kết quả điều tra thể hiện qua hai hệ biểu đầu ra bao gồm:

- Các biểu về số lượng cơ sở SXKD cá thể
- Các biểu về kết quả SXKD của các cơ sở cá thể theo 3 lĩnh vực hoạt động ở phạm vi toàn quốc và từng địa phương:
  - + Biểu đầu ra kết quả SXKD của các cơ sở ngành công nghiệp
  - + Biểu đầu ra kết quả SXKD của các cơ sở ngành thương mại, dịch vụ
  - + Biểu đầu ra kết quả SXKD của các cơ sở ngành vận tải, kho bãi
  - + Biểu đầu ra kết quả SXKD của các cơ sở hoạt động lưu trú

## **8. Kế hoạch tiến hành**

- Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập huấn cho cấp huyện, quận và điều tra viên hoàn thành trước ngày 25/9/2011;
- Thu thập thông tin từ 01 – 15/10/2011;
- Kiểm tra, làm sạch, hoàn thiện phiếu trước ngày 15/12/2011;
- Nhập tin và truyền dữ liệu thô về Tổng cục trước ngày 15/01/2012;
- Xử lý, tổng hợp ở cấp tỉnh, thành phố và truyền dữ liệu về Tổng cục trước ngày 15/02/2012;
- Viết báo cáo quá trình thực hiện điều tra và gửi về Tổng cục trước ngày 01/03/2012;
- Xử lý, tổng hợp kết quả ở Tổng cục trước ngày 01/04/2012.
- Biên soạn và xuất bản kết quả điều tra hoàn thành trước ngày 15/04/2012.

## **9. Tổ chức thực hiện**

- Ở cấp Trung ương: Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ là đơn vị thường trực chỉ đạo điều tra, có trách nhiệm phối hợp với Vụ Phương pháp Chế độ thống kê và CNTT, Vụ Thống kê Công nghiệp để xây dựng phương án điều tra; phối hợp với đơn vị công nghệ thông tin xây dựng, phổ biến và hướng dẫn chương trình phần mềm nhập tin, xử lý kết quả điều tra; trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát điều tra ở các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; tổng hợp và phân tích kết quả điều tra.
- Ở cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn triển

khai điều tra thu thập, kiểm tra, đánh mã, nhập tin, tổng hợp số liệu và gửi về Tổng cục Thống kê.

#### **10. Kinh phí**

Cuộc điều tra này được thực hiện bằng kinh phí điều tra của Tổng cục Thống kê, đã được phân bổ cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố theo công văn của Tổng cục Thống kê (Vụ Kế hoạch Tài chính) từ đầu năm.

Các Cục Thống kê tỉnh/thành phố căn cứ vào nội dung phương án điều tra, công văn nói trên và chế độ tài chính hiện hành để tổ chức thực hiện tốt cuộc điều tra, đảm bảo chất lượng thông tin./.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Đỗ Thúc**